TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nông Bích Vân;

- Ông Lê Minh Tuấn.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Vy Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Hứa Thùy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 61/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bế Thị T, sinh năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện tại: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh La Văn B, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30/6/2021, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Bế Thị T trình bày:

Chị Bế Thị T và anh La Văn B được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 08/8/2016. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh La Văn B hay uống rượu, chơi cờ bạc, không tu chí làm ăn. Chị Bế Thị T đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh La Văn B không nghe còn chửi bới,

đánh đập chị. Năm 2018, anh La Văn B đuổi chị Bế Thị T đi. Anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm nhau, không có hành động gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại chị Bế Thị T sống tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Anh La Văn B sống cùng gia đình tại thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Khi chị Bế Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì có báo cho anh La Văn B biết nhưng anh La Văn B nói không quan tâm, mặc kệ chị Bế Thị T làm thế nào thì làm, anh sẽ không đến Tòa án để giải quyết ly hôn. Chị Bế Thị T xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh La Văn B.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu La Quỳnh D, sinh ngày 06/9/2013 và cháu La Ngọc L, sinh ngày 27/8/2015. Hiện nay 02 con đang sống với anh La Văn B tại nhà riêng ở thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và được mẹ đẻ anh La Văn B là bà Vi Thị T hỗ trợ việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Khi ly hôn, chị Bế Thị T yêu cầu anh La Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Bế Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 600.000 đồng/tháng cho mỗi con kể từ ngày 01/10/2021 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung gì và không vay nợ ai.

Bị đơn anh La Văn B đã được biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình do chị Bế Thị T và gia đình anh La Văn B thông báo. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2021, anh La Văn B trình bày anh La Văn B và chị Bế Thị T tự nguyện lấy nhau và kết hôn từ năm 2016 nhưng vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn. Năm 2018, chị Bế Thị T bỏ đi và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh La Văn B xác định không còn tình cảm vợ chồng, đồng ý ly hôn với chị Bế Thị T. Về con chung: Anh La Văn B yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 2 con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Bế Thị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2021, bà Vi Thị T là mẹ đẻ anh La Văn B trình bày do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên anh La Văn B và chị Bế Thị T sống ly thân từ năm 2018 đến nay; các cháu La Quỳnh D và La Ngọc L do anh La Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, bà Vi Thị T hỗ trợ anh La Văn B nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu.

Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn anh La Văn B không tham gia tố tụng và xin được giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án

thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh La Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Bế Thị T và anh La Văn B có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không có hành động gì để hàn gắn tình cảm. Chị Bế Thị T xin ly hôn với anh La Văn B là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Thấy rằng anh La Văn B có chỗ ở, có thu nhập ổn định, từ khi vợ chồng ly thân anh La Văn B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và được mẹ đẻ hỗ trợ việc nuôi dưỡng, chăm sóc con đến nay nên Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cho anh La Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Mặc dù anh La Văn B không yêu cầu chị Bế Thị T cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị Bế Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Bế Thị T là 600.000 đồng/1 tháng cho mỗi con từ ngày 01/10/2021 đến khi con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Căn cứ các Điều 12,14,15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì nguyên đơn đủ điều kiện và căn cứ để được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh La Văn B đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng không có mặt và đã có ý kiến xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh La Văn B.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh La Văn B, cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bế Thị T và anh La Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 08/8/2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Bế Thị T và anh La Văn B là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Thời gian ly thân, không ai có hành động hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Bế Thị T và anh La Văn B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Bế Thị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Bế Thị T và anh La Văn B có hai con chung là cháu La Quỳnh D, sinh ngày 06/9/2013 và cháu La Ngọc L, sinh ngày 27/8/2015. Hiện nay 02 con đang sống với anh La Văn B tại nhà riêng ở thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và được mẹ đẻ anh La Văn B là bà Vi Thị T hỗ trợ việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Anh La Văn B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con đến khi con đủ 18 tuổi, con La Quỳnh D có nguyện vọng được sống cùng bố là anh La Văn B. Anh La Văn B không yêu cầu chị Bế Thị T cấp dưỡng nuôi con. Anh La Văn B làm công nhân và làm nông nghiệp cùng gia đình có thu nhập khoảng 8 - 9 triệu/tháng, có nhà ở tại thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và được mẹ đẻ là bà Vi Thị T hỗ sợ chăm sóc con, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Từ năm 2018 đến nay, hai con chung do anh La Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em phát triển toàn diện nên giao hai con chung là cháu La Quỳnh D, sinh ngày 06/9/2013 và cháu La Ngọc L, sinh ngày 27/8/2015 cho anh La Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Tuy anh La Văn B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Bế Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 600.000 đồng/1 tháng cho mỗi con từ ngày 01/10/2021 đến khi con đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị Bế Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bế Thị T và anh La Văn B đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn chị Bế Thị T là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bế Thị T được ly hôn với anh La Văn B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 22 đăng ký ngày 08/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn)

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu La Quỳnh D, sinh ngày 06/9/2013 và cháu La Ngọc L, sinh ngày 27/8/2015 cho anh La Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Bế Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 600.000 đồng/tháng (sáu trăm nghìn đồng) cho mỗi con kể từ ngày 01/10/2021 đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Bế Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Bế Thị T thực hiện quyền này.

3. Về lãi suất chậm trả: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Bế Thị T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nông Thị Huyền Trang